SADAKIM

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa I, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
MST: 3600869728 **Điện thoại:** 0251 3836 170 **Website:** www.sadakim.vn

THƯ MỜI
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 như sau:

1. **Thời gian Tổ chức đại hội:** 8h00, Thứ năm - ngày 11/04/2024.
2. **Địa điểm:** Hội trường Công ty tại đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
3. **Nội dung đại hội:**

   Tài liệu nội dung ĐHĐCĐ thường niên 2024 được Công ty đăng tải tại website: www.sadakim.vn mục "Quan hệ cổ đông" từ ngày 21/03/2024 và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.
4. **Đăng ký dự họp:**

   Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông vui lòng *Đăng ký tham dự Đại hội* tại Văn Phòng Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim hoặc gửi *Giấy đăng ký tham dự Đại hội* về địa chỉ dưới đây **trước 15h00 ngày 04/04/2024**.
5. **Ủy quyền tham dự đại hội:**

   Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng điền vào *mẫu Giấy ủy quyền tham dự Đại hội* hoặc *Mẫu khác theo Quy định của pháp luật về dân sự* và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây **trước 15h00 ngày 04/04/2024** hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội.

   (Lưu ý: Giấy ủy quyền phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và phải có số lượng cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì Giấy ủy quyền cần có dấu của tổ chức ủy quyền.)
6. **Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:**

   Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim
   - Địa chỉ: Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
   - Điện thoại: 0251 3836170

   Liên hệ: Ms. Yến - SĐT: 0915 846925
7. **Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:**
   - Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền (Nếu có);
   - Giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu.

Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Nguyễn Văn Chánh

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM
Ký ngày: 21/3/2024 08:06:22

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim

Tên cổ đông:.....

Người đại diện theo pháp luật *(đối với tổ chức)*:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKKD số:.....cấp ngày .../.../..... tại.....

Địa chỉ: .....Điện thoại:.....

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: ....cổ phần.

(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP ☐

2. ỦY QUYỀN CHO ÔNG/BÀ DƯỚI ĐÂY ☐

Ông/Bà: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKKD số:.....cấp ngày .../.../..... tại.....

Địa chỉ: .....Điện thoại:.....

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT của công ty theo danh sách dưới đây:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số CP ủy quyền
1	Nguyễn Văn Chánh	Chủ tịch HĐQT		
2	Võ Thanh Tiến	Thành viên HĐQT		
3	Trần Thanh Toàn	Thành viên HĐQT		
4	Nguyễn Thái Sơn	Thành viên HĐQT		
5	Trần Phước Dũng	Thành viên HĐQT		

(Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (X) bên cạnh tên thành viên mà quý cổ đông chọn ủy quyền nếu chỉ chọn uỷ quyền cho một người toàn bộ số cổ phần sở hữu)

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim để thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

Việc thực hiện ủy quyền phải tuân thủ theo các quy định liên quan của Luật dân sự, Điều lệ công ty. Người nhận ủy quyền phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu và giấy ủy quyền khi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền có chữ ký sống của hai bên, đối với nhận ủy quyền từ cổ đông là tổ chức thì cần có thêm dấu của tổ chức ủy quyền. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim kết thúc.

Ngày ____ tháng ____ năm 2024

Cổ đông/Người uỷ quyền	**Người được ủy quyền**
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: Nếu người uỷ quyền hoặc người nhận uỷ quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM
Địa chỉ: Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
ĐT: (0251) 3836 3170 Fax: (0251) 3836 774 Website: www.sadakim.vn

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Dự kiến bắt đầu lúc 8h00 ngày 11 tháng 04 năm 2024)

Thời gian	Nội dung
8:00 – 8:20	**Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông:** • Đón tiếp đại biểu và cổ đông; • Kiểm tra tư cách đại biểu, phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, và tài liệu Đại hội.
8:20 – 8:50	**Khai mạc Đại hội:** • Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội; • Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa; • Chủ tọa giới thiệu Đoàn chủ tịch, chỉ định Ban thư ký; • Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, Ban kiểm phiếu và xin Đại hội biểu quyết; • Thông qua Quy chế làm việc; • Thông qua chương trình Đại hội.
8:50 – 9:05	**HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành trình bày các nội dung sau:** • Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023; • Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2023; • Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2023 đã kiểm toán.
9h05 - 9h30	**Các tờ trình Đại hội:** • Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã qua kiểm toán; • Phân phối lợi nhuận năm 2023; • Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2024; • Kế hoạch Phân phối lợi nhuận năm 2024; • Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; • Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024; • Hạn mức tín dụng năm 2024;
9:30 – 9:45	Đại hội thảo luận
9:45 – 10:00	Hướng dẫn biểu quyết và Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình
10:00 – 10:15	Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu
10:15 – 10:30	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
10:30 – 10:45	Ban Thư Ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ; Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
10:45 – 11:00	**Tuyên bố bế mạc Đại Hội.**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM
Địa chỉ: Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
ĐT: (0251) 3836 3170, **Website:** www.sadakim.vn

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 09 năm 2022;*
- *Quy chế nội bộ về Quản trị công ty Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim.*

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- Kiểm soát viên : Thành viên Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội

- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 15/02/2024 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v…theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu

quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 chủ tịch và 02 thành viên;
- Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:
  - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
  - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:
  - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
  - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
  - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
  - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

4.7 Ban Kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.

- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
  - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
  - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử.
  - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử cho thư ký.
  - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.

4.8 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.

- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
  - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
  - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được

ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có) được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu Bầu cử (nếu có) có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết như sau:
  - Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Thành phần Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
  - Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023; Báo cáo Ban Kiểm soát năm 2023; Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ

biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

➢ **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra có dấu đỏ của công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,… không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ

➢ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4.10.4 Thể lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 15/02/2024) tổng số cổ phần của Công ty là: 2.600.000 cổ phần tương đương với 2.600.000 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền tham dự Đại hội và Khoản 6 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 75% số cổ phần có quyền tham dự Đại hội
- Lưu ý:
  - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
  - Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

5. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy,

quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
  - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
  - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua./.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGĐ, BKS;
- Lưu: VT, Người PTQT công ty.

Nguyễn Văn Chánh

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LUYỆN KIM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2023

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

Chấp hành và tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của công ty, quy chế quản lý tài chính và các quy định pháp lý hiện hành của Nhà nước.

Đội ngũ người lao động đoàn kết và tin tưởng đội ngũ lãnh đạo của Công ty nên năm 2023 mặc dù gặp điều kiện khó khăn vẫn đảm bảo sự ổn định và phát triển của Công ty.

Công ty đã nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 giao, đảm bảo được việc làm cho người lao động.

Chất lượng của một số sản phẩm được cải thiện, nghiêm túc tiếp thu và giải quyết nhanh chóng các khiếu nại của khách hàng.

Kết quả các chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	% 2023/2022	% so với kế hoạch
I	**Về Sản Xuất**					
1	Thép và gang đúc	Tấn	4.397,9	3.691,6	83,94	87,90
2	Gia công cơ khí - rèn	Tấn	1.589,5	1.384,7	87,11	92,31
3	Gia công kết cấu	Tấn	1.065,9	265,0	24,86	66,25
II	**Chỉ Tiêu Tài Chính**					
1	Doanh thu	Tr. đ	254.920,35	195.763,49	76,79	91,05
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	12.167,89	6.650,66	54,69	66,50
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	9.494,04	5.108,63	53,81	
III	**Lao động, thu nhập**					
1	Lao động bình quân	Người	217	212	97,70	99,53
2	Lương bình quân (người / tháng)	Đồng	15.200.000	11.340.000	74,61	

Sản lượng năm 2023 ở các Xưởng đều giảm so với năm 2022 và không đạt kế hoạch năm 2023.

Doanh thu năm 2023 đạt 195,76 tỷ bằng 91,05% kế hoạch năm và bằng 76,79% so với cùng kỳ năm 2022.

Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 6,65 tỷ bằng 66,50% kế hoạch năm và bằng 54,69% so với cùng kỳ năm 2022.

Nguyên nhân chủ yếu:

- Tình hình thế giới bất ổn do chiến tranh Nga-Ukraine, suy thoái toàn cầu; ngành thép khó khăn do chậm giải ngân vốn đầu tư công, sản xuất cầm chừng, có đơn vị phải tạm ngưng sản xuất, các dự án cũng giãn tiến độ đã ảnh hưởng đến các đơn hàng về gia công cơ khí và kết cấu.

- Ngành mía đường, cao su cạnh tranh rất quyết liệt về tiến độ và giá bán, khách hàng yêu cầu giảm giá 20-30%, Công ty đã chấp nhận giảm giá để lấy được đơn hàng, có việc làm, tạo thu nhập cho người lao động và chấp nhận việc không đảm bảo về lợi nhuận.

- Đồng thời, với thiết bị công nghệ hiện tại đã cũ, hay hỏng hóc và thiếu đồng bộ làm cho năng suất lao động không cao; công tác tuyển dụng các vị trí có chuyên môn về cao về cơ khí, công nghệ vật liệu khó khăn do thu nhập chưa đủ sức hút; đặc biệt từ quý 2/2023 các đơn hàng bị giảm sút, sản xuất bị gián đoạn do thiếu việc..

2. Tình hình đầu tư

Tình hình thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua:

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (đồng)	Giá trị giải ngân (đồng)	Mức độ hoàn thành so với kế hoạch (%)	Ghi chú
1	Thiết bị làm khuôn tươi bán tự động	14.500.000.000	0	0	Xin tạm dừng
2	Xe tải thùng 8 tấn	1.950.000.000	1.500.970.600	100%	

Lý do xin tạm dừng khoản đầu tư "thiết bị làm khuôn tươi bán tự động" theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023: công ty đã nghiên cứu và thấy rằng không thỏa mãn các điều kiện về vốn, thị trường, sản phẩm trong bối cảnh suy thoái và sụt giảm của nền kinh tế hiện tại.

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện mua sắm 01 máy phay xốp trị giá 85 triệu đồng và 01 bộ máy chủ Dell Poweredge T150 trị giá 44.5 triệu đồng để phục vụ sản xuất.

Đánh giá của Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2023:

- Ban điều hành đã xem xét cẩn trọng không thực hiện các hạng mục chưa thiết thực.

- Các hạng mục đầu tư hoàn thành đưa vào vận hành đã góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc trong việc thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng, thu xếp vốn và triển khai đối với các dự án đầu tư.

Qua kiểm điểm công tác cho thấy Ban Giám đốc đã nỗ lực trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ban Giám đốc luôn chỉ đạo công việc sát thực tiễn sản xuất và tổ chức quản trị chặt chẽ vật tư, kỹ thuật, tài chính và đặc biệt quản trị chất lượng sản phẩm theo ISO9001:2015.

Đội ngũ CB-CNV công ty đoàn kết, năng động đã thực hiện tốt các nhiệm vụ, đáp ứng được nhu cầu của sản xuất kinh doanh trong năm 2023. Đặc biệt, Ban điều hành luôn thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch và có những hành động điều chỉnh kịp thời để công ty đi đúng hướng.

Công tác quan hệ khách hàng, mở rộng nguồn hàng đặc biệt là hàng xuất khẩu luôn được chú trọng. Xây dựng kế hoạch tiến độ hàng hóa theo ngày đảm bảo giao hàng kịp thời, đầy đủ và chất lượng.

4. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ định hướng kế hoạch SXKD trung hạn 2022 - 2027 của Công ty. Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau:
- Đầu tư nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm, củng cố thương hiệu Sadakim trên thị trường trong nước và quốc tế.
- Tăng năng suất lao động và nâng cao thu nhập cho CB-CNV công ty.
- Thực hiện các giải pháp đột phá việc triển khai tiết kiệm, tiết giảm chi phí nhằm tạo được lợi thế về giá thành.
- Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các dự án đầu tư đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện đúng các Quy chế, Quy định của Công ty.
- Bám sát chủ trương, lộ trình di dời của Tỉnh Đồng Nai để xây dựng dự án di dời công ty năm 2025. Chuẩn bị triển khai các công việc xây dựng phương án năm 2024: phương án chuẩn bị vốn, phương án chọn địa điểm di dời, dự toán sơ bộ chi phí di dời, xây lắp...

- Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024
1	**Sản xuất và tiêu thụ**	**Tấn**	**5.600**
1.1	Thép và gang đúc	Tấn	3.800
1.2	Gia công cơ khí	Tấn	1.500
1.3	Kết cấu hàn	Tấn	300
2	**Doanh thu**	**Tỷ đồng**	**190,0**
3	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tỷ đồng**	**6,5**

- Kế hoạch đầu tư 2024:

STT	Tên công trình, thiết bị	Số lượng	ĐVT	Giá trị (VND)
1	Máy hút chân không	01	Cái	410.000.000
2	Máy cân bằng động 01 tấn	01	Cái	250.000.000
	Tổng cộng			**660.000.000**

- Kế hoạch lao động, tiền lương 2024:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Thù lao HĐQT; Ban Kiểm soát	Tr.đồng	120,0
2	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	40.090,0
2.1	Tiền lương Ban điều hành	Tr.đồng	3.766,0
2.2	Tiền lương người lao động	Tr.đồng	36.204,0

II. Báo cáo tình hình Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (chốt dữ liệu cổ đông ngày 29/12/2023):

STT	Họ và tên	Chức danh	CP nắm giữ	% VĐL	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Chánh	Chủ tịch HĐQT			
	- Đại diện vốn VNSTEEL		497.250	19,13%	
	- Vốn cá nhân		0	0%	
2	Võ Thanh Tiến	Thành viên HĐQT			Thành viên điều hành
	- Đại diện vốn VNSTEEL		497.250	19,13%	
	- Vốn cá nhân		0	0%	
3	Trần Thanh Toàn	Thành viên HĐQT			Thành viên điều hành
	- Đại diện vốn VNSTEEL		175.500	6,75%	
	- Vốn cá nhân		0	0%	
4	Nguyễn Thái Sơn	Thành viên HĐQT	20.000	0,77%	Thành viên điều hành

5	Trần Phước Dũng	Thành viên HĐQT	232.000	8,92%	

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các thành viên HĐQT được phân công phụ trách các mặt công tác, thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám Đốc Công ty, kiểm tra, giám sát với các nội dung: công tác điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, phân tích những thuận lợi, thống nhất các giải pháp khắc phục khó khăn trước tình hình kinh tế Thế giới và trong nước. Đồng thời xem xét các quy trình liên quan đến kiểm soát chi phí để hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Quản lý, kiểm soát tốt công nợ, hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn của công ty.

Hội đồng quản trị công ty trong năm đã tổ chức 09 cuộc họp, ra nghị quyết lãnh đạo sản xuất kinh doanh, trả cổ tức, quyết định phê duyệt của công ty theo đúng Điều lệ công ty quy định. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	001/2023/NQ-HĐQT	07/02/2023	- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý IV và năm 2022; kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I năm 2023. - Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc của Công ty chuẩn bị nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty.	100%
2	002/2023/NQ-HĐQT	07/02/2023	- Thông qua việc thanh lý Tài sản cố định: xe nâng 5 tấn (50D-7AE). - Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện các thủ tục thanh lý tài sản cố định theo đúng quy định pháp luật, Quy chế tài chính của công ty.	100%
3	03-1/2023/NQ-HĐQT	15/03/2023	- Thông qua chương trình họp và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. - Thông qua công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. - Giao cho Ban điều hành triển khai thực hiện công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.	100%
4	003/2023/NQ-HĐQT	15/03/2023	- Thông qua tiếp nhận Đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Minh Tính. Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 về việc miễn nhiệm ông Nguyễn Minh Tính và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty. - Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện các thủ tục liên quan đến bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công	100%

			ty.	
5	004/2023/NQ-HĐQT	28/03/2023	- Bầu ông Nguyễn Văn Chánh giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị (chuyên trách) của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027. - Thông qua mức lương, thưởng của Chủ tịch Hội đồng quản trị (chuyên trách). - Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc của Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.	100%
6	54/QĐ-CKLK	12/04/2023	Giao cho Tổng giám đốc quyết định và phân phối "Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty năm 2022"	100%
7	005/2023/NQ-HĐQT	18/04/2023	Chấp thuận đề nghị của Tổng giám đốc về việc ký hợp đồng nguyên tắc với các công ty sau: - Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh-Vnsteel - Công ty TNHH Nippovina *(Tỷ lệ biểu quyết thông qua 2/2 thành viên không có lợi ích liên quan bao gồm: Ông Trần Phước Dũng và Ông Nguyễn Thái Sơn)*	100%
8	006/2023/NQ-HĐQT	18/04/2023	- Nhất trí với kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Quý I năm 2023 của Tổng Giám đốc Công ty. - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II năm 2023 và giải pháp thực hiện. - Thông qua mức lương, thưởng cho Tổng giám đốc. - Thống nhất giao cho Tổng giám đốc xây dựng và điều chỉnh đơn giá tiền lương năm 2023 để trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua. - Thống nhất phê duyệt thực hiện dự án đầu tư "Xe tải thùng 8 tấn". - Thống nhất tiếp tục nghiên cứu, khảo sát các điều kiện về vốn, thị trường, sản phẩm... của Dự án đầu tư "Thiết bị làm khuôn tươi bán tự động", sẽ xem xét quyết định vào cuộc họp tiếp theo. - Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc của Công ty chỉ đạo và triển khai thực hiện kế hoạch Quý II năm 2023.	100%
9	67/QĐ-HĐQT	18/04/2023	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Công ty.	100%
10	75/QĐ-HĐQT	26/04/2023	- Phê duyệt Dự án đầu tư "Xe tải thùng 8 tấn". - Giao cho Tổng giám đốc Công ty tổ chức thực hiện hạng mục đầu tư phải tuân thủ Điều lệ công ty, các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý công tác mua sắm hàng hóa.	100%
11	76/QĐ-HĐQT	26/04/2023	- Phê duyệt danh mục đầu tư mua sắm Tài sản cố định năm 2023 của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim. - Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc triển khai các hạng mục đầu tư cũng như công tác thanh quyết toán đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý đầu tư, lựa chọn nhà thầu và thanh quyết toán công trình.	100%
12	88/QĐ-HĐQT	10/05/2023	Thông qua kế hoạch tiền lương năm 2023 (trong đó đơn giá tiền lương được tăng 5%)	100%
13	007/2023/NQ-	05/06/2023	- Chấp thuận lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và cả	100%

	HĐQT		năm 2023 của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim. - Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc công ty thực hiện ký kết hợp đồng kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2023 với công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty.	
14	008/2023/NQ-HĐQT	21/07/2023	- Nhất trí với kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Quý II và 06 tháng đầu năm 2023 của Tổng Giám đốc Công ty. - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III năm 2023 và giải pháp thực hiện. - Thống nhất tiếp tục nghiên cứu quy trình duyệt hạn mức tín chấp cho khách hàng để trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt tại cuộc họp sau. - Thống nhất đề nghị điều chỉnh số chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận. Đề nghị TGĐ có văn bản phân tích, đánh giá việc thực hiện kế hoạch 06 tháng cuối năm 2023 để có cơ sở điều chỉnh chỉ tiêu lợi nhuận năm 2023.	100%
15	009/2023/NQ-HĐQT	26/10/2023	- Nhất trí với kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Quý III và 09 tháng đầu năm 2023 của Tổng Giám đốc Công ty. - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV năm 2023 và giải pháp thực hiện. - Thống nhất tạm dừng Dự án đầu tư "Thiết bị làm khuôn tươi bán tự động" chưa triển khai năm 2023 và sẽ báo cáo đến cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.	
16	010/2023/NQ-HĐQT	25/12/2023	- Chấp thuận ký hợp đồng nguyên tắc trong năm 2024 với các đơn vị như sau: + Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL; + Công ty CP Thép Thủ Đức – VNSTEEL; + Công ty CP Thép VICASA – VNSTEEL; + Công ty TNHH Thép Vina Kyoei; + Công ty CP Thép Nhà Bè – VNSTEEL; + Công ty Liên doanh Sản xuất Thép VINAUSTEEL; + Công ty CP Mạ kẽm Công nghiệp VINGAL – VNSTEEL; + Công ty Tôn Phương Nam; + Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất; + Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn; + Công ty CP Lưới thép Bình Tây; + Công ty CP Kim Khí Thành Phố Hồ Chí Minh-Vnsteel; + Công ty TNHH Nippovina; + Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam; + Công ty TNHH Natsteel Vina. *(Tỷ lệ biểu quyết thông qua 2/2 Thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan, bao gồm: Ông Trần Phước Dũng và Ông Nguyễn Thái Sơn)* - Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo các nội dung như sau: + Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông mời họp ĐHĐCĐ: 15/02/2024. + Ngày tổ chức ĐHĐCĐ: Dự kiến tháng 03/2024, thời gian cụ thể Công ty sẽ thông báo trong thư mời gửi cổ đông tham dự họp. + Địa điểm tổ chức: Thông báo cụ thể trong thư mời họp.	100%

			+ Nội dung: Các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và quy định Pháp luật. Nội dung cụ thể tại Thư mời gửi cổ đông tham dự họp.	

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không tham gia Ban điều hành.

Các thành viên Hội đồng quản trị công ty không tham gia Ban điều hành đã thường xuyên nhận báo cáo quý, tham gia các cuộc họp thường kỳ của HĐQT, tích cực tham gia xây dựng chiến lược phát triển công ty, tìm thêm nguồn hàng giới thiệu cho công ty thực hiện.

Các thành viên Hội đồng quản trị đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. *Ban Kiểm soát*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP nắm giữ	% VĐL	Ghi chú
1	Hà Thị Thu Hiền	Trưởng ban	0	0	
2	Ngô Thế Hiển	Thành viên	65.400	2,51	
3	Mai Văn Thanh	Thành viên	3.300	0,13	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Các thành viên ban kiểm soát có năng lực, trình độ về chuyên ngành kế toán và quản lý, am hiểu sâu về công ty.

Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành công ty thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Ban kiểm soát hoạt động thường xuyên trong năm, hàng quý họp để xem xét tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, các báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá sát tình

hình công ty, các số liệu phân tích chuẩn xác. Ban kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT công ty.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Tính	Chủ tịch HĐQT	60.635.000	Miễn nhiệm từ 28/03/2023
2	Nguyễn Văn Chánh	Chủ tịch HĐQT	381.004.464	Bổ nhiệm từ 28/03/2023
3	Võ Thanh Tiến	Thành viên HĐQT Tổng giám đốc	691.755.932	Không nhận thù lao Hội đồng quản trị theo quy định của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP
4	Trần Thanh Toàn	Thành viên HĐQT Phó TGĐ	550.881.549	
5	Nguyễn Thái Sơn	Thành viên HĐQT Phó TGĐ	482.342.281	
6	Trần Phước Dũng	Thành viên HĐQT	58.578.000	
7	Vũ Văn Hiến	Phó TGĐ	580.423.717	
8	Nguyễn Thái Thiện	Thành viên HĐQT	5.641.000	Miễn nhiệm từ 31/03/2022
9	Hà Thị Thu Hiền	Trưởng BKS	58.629.000	
10	Ngô Thế Hiển	Thành viên BKS	42.460.500	
11	Mai Văn Thanh	Thành viên BKS Trưởng P. KH-KD	393.799.337	
12	Đoàn Thị Thủy	Kế toán trưởng	438.468.449	
	Cộng		**3.744.619.229**	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thái Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	10.000	0,39	20.000	0,77	Mua cổ phiếu

III. Báo cáo về các giao dịch

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Công ty đã liệt kê các giao dịch phát sinh trong năm 2023 tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023, báo cáo này đã được đăng tải trên website sadakim.vn mục "Quan hệ cổ đông".

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Công ty đã liệt kê các giao dịch phát sinh trong năm 2023 tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023, báo cáo này đã được đăng tải trên website sadakim.vn mục "Quan hệ cổ đông".

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Người PTQT công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chánh

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LUYỆN LIM
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

Kính gửi: Quý Cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ điều lệ hoạt động của Công ty CP Cơ khí Luyện kim;

- Căn cứ báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2023 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ngày 30/01/2024;

- Căn cứ vào tình hình hoạt động SXKD năm 2023 của CTy CP Cơ khí Luyện kim.

Ban Kiểm soát thẩm định kết quả và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty CP Cơ Khí Luyện Kim năm 2023 như sau:

A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH & KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023:

Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2023	TH năm 2023	% so KH
Doanh thu thuần	Tr. Đồng	215	195,76	91,05
Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	10	6,65	66,50
Đầu tư	Tỷ. Đồng	-	1,50	
Lãi cơ bản trên 1CP	Đồng		1.965	

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023:

STT	Diễn giải	31/12/2022	31/12/2023	(%) 2022	(%) 2023
A	**TÀI SẢN**	**117.084.874.083**	**96.303.308.310**	**100,00**	**100,00**
1	Tài sản ngắn hạn	91.742.678.474	74.017.356.644	78,36	76,86
2	Tài sản dài hạn	25.342.195.609	22.285.951.666	21,64	23,14
B	**NGUỒN VỐN**	**117.084.874.083**	**96.303.308.310**	**100,00**	**100,00**
1	Nợ phải trả	71.480.091.260	54.783.895.202	61,05	56,89
2	Vốn chủ sở hữu	45.604.782.823	41.519.413.108	38,95	43,11

Cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn hợp lý, ổn định, đảm bảo khả năng thanh toán và đáp ứng nhu cầu vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Nợ phải thu đến 31/12/2023: 38.558.172.304 đồng là những khoản công nợ luân chuyển ngắn hạn.

- Nợ phải trả :	**Đồng**	**54.783.895.202**
+ Vay ngân hàng ngắn hạn:	Đồng	30.504.491.253
+ Phải trả khách hàng:	Đồng	14.184.977.927
+ Người mua trả trước:	Đồng	3.950.787.621
+ Phải trả CB.CNV	Đồng	4.070.283.002
+ Chi phí phải trả ngắn hạn:	Đồng	1.139.496.709
+ Phải trả ngắn hạn khác:	Đồng	410.321.712
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	344.541.843
+ Thuế và khoản phải nộp nhà nước	Đồng	178.995.135

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁC:

1. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản về khấu hao TSCĐ:	
- Khối lượng đầu tư XDCB dở dang	0 đ
- Khối lượng đầu tư XDCB hoàn thành	0 đ
- Khấu hao TSCĐ trong năm 2023	4.552.195.795 đ
- Khấu hao TSCĐ đến năm 2023	92.088.887.945 đ
- Nguyên giá TSCĐ	114.374.839.611 đ
- Giá trị còn lại TSCĐ	22.285.951.666 đ
2. Tình hình Lao động và quỹ tiền lương:	
- Lao động bình quân	217 người
- Tổng quỹ lương (Quyết định lương)	35.531.724.403 đ
- Tiền lương bình quân/ người/ tháng	11.344.111 đ
- Thu nhập bình quân / người / tháng	14.152.067 đ
3. Nguồn Vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/2023 là	41.519.413.108 đ
Trong đó:	
- Vốn điều lệ	26.000.000.000 đ
- Quỹ đầu tư phát triển	8.796.663.000 đ
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	9.494.041.423 đ
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	5.108.630.285 đ
4. Tỉ suất lợi nhuận	
- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu	2,61 %
- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	5,30 %
- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	12,30 %
- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	19,65 %

IV. TÌNH HÌNH TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ, THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG:

Các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 nằm trong phạm vi quy định của pháp luật hiện hành, luật doanh nghiệp, điều lệ của công ty và giấy phép đăng ký kinh doanh.

1. Thực hiện Nghị quyết về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023	TH 2023	TH 2022	% so với cùng kỳ 2022	% so KH 2023
I. Sản lượng			**6.100**	**5.341,3**	**7.053,3**	**75,73**	**87,56**
1,1	Thép và gang đúc	Tấn	4.200	3.691,6	4.397,90	83,94	87,90
1.2	Cơ khí rèn	Tấn	1.500	1.384,7	1.589,50	87,12	92,31
1.3	Kết cấu hàn	Tấn	400	265,0	1.065,90	24,86	66,25
II. Chỉ tiêu tài chính							
1	Doanh thu	Tỷ. đ	215,00	195,76	254,92	76,79	91,05
2	LN trước thuế	Tỷ. đ	10,00	6,65	12,16	54,69	66,50

2. Thực hiện về tiền lương và thu nhập cho người lao động:

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ
1	Tổng quỹ lương	Tr.đ	40.493	35.531	87,75
2	Tiền lương bình quân	Tr.đ	15,2	11,34	74,61
3	Thu nhập bình quân	Tr.đ	16,45	14,2	86,32

3. Thực hiện về đầu tư và xây dựng cơ bản:

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện mua sắm một số hạng mục thiết yếu có giá trị trên 500 triệu đồng phục vụ sản xuất bao gồm:

+ Xe tải cẩu 8 tấn: 1,5 tỷ đồng (đã VAT)

+ Thiết bị khuôn tươi bán tự động: không thỏa mãn các điều kiện về vốn, thị trường, sản phẩm và phải di dời Công ty trước tháng 12/2025. (theo công văn số 5806/ SKHĐT-KTĐN ngày 07/12/2023) nên dừng không thực hiện đầu tư.

B. KIỂM SOÁT TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên gồm: 01 Chủ tịch và 04 ủy viên đã thực hiện quyền và nhiệm vụ như sau:

- Trong năm HĐQT đã họp 09 lần, các cuộc họp đã ra những đánh giá về kế hoạch SXKD hàng quý, chỉ đạo sâu sát việc thực hiện Nghị quyết năm 2023 và chi trả cổ tức cũng như định hướng phát triển lâu dài của công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành có giải pháp linh hoạt có nguồn hàng, giữ sản xuất ổn định, giữ vững khách hàng và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch SX-KD cụ thể, bám sát để thực hiện SX-KD tốt trong tình hình khó khăn về thị trường và nền kinh tế suy thoái.

- Nâng cao doanh thu trong hệ thống và thêm khách hàng mới xuất khẩu.

- Cùng với ban điều hành xem xét việc Công ty phải di dời sang địa điểm mới..

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Ban Tổng Giám đốc đã chấp hành và triển khai thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản và nhân sự.

- Tổ chức và thực hiện tốt nghị quyết của ĐHCĐ về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện Tổng kết công tác năm 2023 và xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm 2024.

- Báo cáo khả thi về việc di dời Công ty sau năm 2025.

- Chi lương tháng 13 (Thưởng Tết Giáp Thìn) cho người lao động mức bình quân 11,9 triệu đồng/ người; chi khen thưởng sáng kiến cải tiên kỹ thuật, tiết kiệm vật tư và chi thưởng cá nhân, tập thể lao động tiên tiến, xuất sắc để động viên kịp thời.

- Cải tạo môi trường làm việc sạch đẹp và thân thiện hơn.

- Tổ chức người lao động đi tham quan nghỉ mát, giao lưu thể thao văn hóa giữa các đơn vị trong hệ thống.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, chế độ chính sách cho người lao động.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được quy định trong điều lệ Công ty. Cụ thể:

- Thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023.

- Ban kiểm soát tiến hành họp 4 lần đầy đủ quý I, II, III, IV.

- Kiểm tra, xem xét báo cáo tài chính, sổ sách chứng từ và hệ thống quản lý, giảm sát nội bộ theo quy định của nhà nước.

- Lập báo cáo thẩm định về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh trong quý, năm 2023 trình HĐQT và Đại hội cổ đông.

- Ban Kiểm soát hàng quý với Hội đồng quản trị để báo cáo thẩm định kết quả sản xuất, tình hình tài chính của Công ty và có ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện việc kiểm soát nội bộ và sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. KẾT LUẬN:

Qua kiểm tra, BKS ghi nhận nhưng nội dung sau:

- Quản lý chặt chẽ, bảo đảm nguyên tắc và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Tình hình tài chính: cơ cấu vốn hợp lý đáp ứng được nhu cầu SXKD, bảo đảm vốn cổ đông.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 19,65%, được đánh giá là tạm được trong tình hình khó khăn chung của ngành Thép.

- Trong năm, BKS không nhận được đơn thư tố cáo, khiếu nại của Cổ đông, người lao động cũng như khách hàng.

Báo cáo này đã được các thành viên BKS thông qua. Kính trình đại hội xem xét.

Trân trọng cảm ơn và kính chúc sức khỏe./.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Hà Thị Thu Hiền

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LUYỆN KIM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 001/2024/TT-HĐQT/CKLK	
	Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 09 năm 2022;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, ký ngày 30 tháng 01 năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chánh

Nơi nhận:
- Cổ đông SDK;
- HĐQT, BKS, BTGĐ;
- Lưu: PTQT, TCKT.
  (Tài liệu ĐHCĐ 2024).

aasc
since 1991

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

HLB WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim là đơn vị được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Cơ khí Luyện kim - đơn vị trực thuộc Công ty Thép miền Nam (nay là Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP) theo Quyết định số 694 ngày 24 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600869728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 27 tháng 06 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Chánh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/03/2023
Ông Võ Thanh Tiến	Ủy viên	
Ông Trần Thanh Toàn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thái Sơn	Ủy viên	
Ông Trần Phước Dũng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Tính	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/03/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Thanh Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hà Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Ông Ngô Thế Hiển	Thành viên
Ông Mai Văn Thanh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Thanh Tiến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Số: 300124.003/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim được lập ngày 30 tháng 01 năm 2024, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Tuấn Anh	**Đặng Huy Hoàng**
Giám đốc kiểm toán	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1	Số: 4461-2023-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**74.017.356.644**	**91.742.678.474**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**2.983.398.090**	**9.943.559.327**
111	1. Tiền		2.983.398.090	9.943.559.327
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**39.565.480.819**	**36.011.175.700**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	38.558.172.304	35.042.044.916
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	947.004.716	909.078.160
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	60.303.799	60.052.624
140	**IV. Hàng tồn kho**	**7**	**29.655.230.701**	**43.321.702.503**
141	1. Hàng tồn kho		29.655.230.701	43.321.702.503
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**1.813.247.034**	**2.466.240.944**
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.519.224.555	2.317.236.768
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	294.022.479	149.004.176
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**22.285.951.666**	**25.342.195.609**
220	**II. Tài sản cố định**		**22.285.951.666**	**25.342.195.609**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	22.285.951.666	25.342.195.609
222	- *Nguyên giá*		*114.374.839.611*	*114.185.551.272*
223	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(92.088.887.945)*	*(88.843.355.663)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	- *Nguyên giá*		*2.350.199.700*	*2.350.199.700*
229	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(2.350.199.700)*	*(2.350.199.700)*
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**96.303.308.310**	**117.084.874.083**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**54.783.895.202**	**71.480.091.260**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**54.783.895.202**	**71.480.091.260**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	14.184.977.927	23.431.699.518
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	3.950.787.621	6.218.453.152
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	178.995.135	495.046.127
314	4. Phải trả người lao động		4.070.283.002	5.701.092.352
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.139.496.709	1.303.317.366
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	410.321.712	442.839.432
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	30.504.491.253	33.485.543.970
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		344.541.843	402.099.343
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**41.519.413.108**	**45.604.782.823**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**16**	**41.519.413.108**	**45.604.782.823**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		26.000.000.000	26.000.000.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*26.000.000.000*	*26.000.000.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		8.796.663.000	8.796.663.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.722.750.108	10.808.119.823
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*1.614.119.823*	*1.314.078.400*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*5.108.630.285*	*9.494.041.423*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**96.303.308.310**	**117.084.874.083**

Phạm Thị Thanh Huyền	**Đoàn Thị Thủy**	**Võ Thanh Tiến**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**18**	**197.074.431.218**	**256.453.275.702**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	1.310.940.838	1.532.923.845
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**195.763.490.380**	**254.920.351.857**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**20**	**167.158.211.308**	**213.472.331.854**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**28.605.279.072**	**41.448.020.003**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.393.775.908	1.360.539.236
22	7. Chi phí tài chính	22	2.959.945.463	2.786.302.888
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*1.938.039.408*	*1.735.683.825*
25	8. Chi phí bán hàng	23	3.402.190.637	5.933.543.355
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	17.104.864.658	22.213.907.942
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**6.532.054.222**	**11.874.805.054**
31	11. Thu nhập khác	25	253.549.784	447.890.679
32	12. Chi phí khác	26	134.946.092	154.803.494
40	**13. Lợi nhuận khác**		**118.603.692**	**293.087.185**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**6.650.657.914**	**12.167.892.239**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	1.542.027.629	2.673.850.816
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**5.108.630.285**	**9.494.041.423**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**28**	**1.965**	**3.652**

Phạm Thị Thanh Huyền	**Đoàn Thị Thủy**	**Võ Thanh Tiến**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	*1. Lợi nhuận trước thuế*		*6.650.657.914*	*12.167.892.239*
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.552.195.795	5.339.395.196
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		39.480.524	445.728.129
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(195.903.151)	(405.715.053)
06	- Chi phí lãi vay		1.938.039.408	1.735.683.825
08	*3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		*12.984.470.490*	*19.282.984.336*
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.941.007.332)	(11.099.401.428)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		13.666.471.802	7.520.843.105
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(13.335.590.441)	(3.095.025.592)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	425.315.663
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.943.983.816)	(1.726.279.954)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.858.078.621)	(2.206.658.886)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.451.557.500)	(1.434.082.480)
20	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*		*5.120.724.582*	*7.667.694.764*
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.495.951.852)	(1.000.979.630)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		189.731.818	400.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.171.333	5.715.053
30	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*		*(1.300.048.701)*	*(595.264.577)*
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		96.620.824.305	101.246.484.972
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(99.601.877.022)	(97.682.089.988)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.800.000.000)	(7.800.000.000)
40	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*		*(10.781.052.717)*	*(4.235.605.016)*

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(6.960.376.836)**	**2.836.825.171**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**9.943.559.327**	**7.107.068.188**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		215.599	(334.032)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**2.983.398.090**	**9.943.559.327**

Phạm Thị Thanh Huyền	**Đoàn Thị Thủy**	**Võ Thanh Tiến**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 01 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim là đơn vị được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Cơ khí Luyện kim - đơn vị trực thuộc Công ty Thép miền Nam (nay là Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP) theo Quyết định số 694 ngày 24 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600869728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 27 tháng 06 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 26.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 26.000.000.000 VND; tương đương 2.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 211 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 217 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Đúc kim loại, chế tạo và gia công cơ khí phục vụ các ngành công nghiệp khác.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế tạo các sản phẩm cơ khí; chế tạo, lắp ráp hoàn chỉnh máy móc thiết bị, cụm thiết bị;
- Chế tạo các sản phẩm kết cấu và xây lắp công nghiệp;
- Luyện và đúc các sản phẩm bằng kim loại đen, kim loại màu;
- Bán buôn máy móc thiết bị, bán buôn vật tư các loại, nguyên vật liệu trong ngành cơ khí, luyện kim;
- Xử lý các phế liệu kim loại;
- Phân tích mẫu kim loại;
- Chế tạo, sửa chữa và bảo trì thiết bị cầu trục;
- Cho thuê kho, bãi.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt để kiềm chế lạm phát dẫn đến tổng cầu giảm. Bên cạnh đó, thị trường trong nước chịu sự cạnh tranh gay gắt giữa các thương hiệu cơ khí, chế tạo máy đã làm cho tình hình kinh doanh của Công ty ngày càng khó khăn do đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 59,3 tỷ VND, tương đương giảm 23,15% so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Giá trị sản phẩm dở dang cuối năm được tính bằng đơn giá sản phẩm dở dang cuối năm nhân với trọng lượng sản phẩm dở dang cuối năm. Trong đó đơn giá sản phẩm dở dang cuối năm bằng 70% giá trị sản phẩm hoàn thành (theo quyết định số 01/2023/QĐ-KHKD ngày 03/01/2023).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm đúc, cơ khí rèn chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đồng thời toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	47.709.153	32.369.671
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.935.688.937	9.911.189.656
	2.983.398.090	**9.943.559.327**

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***443.785.200***	-	***914.144.000***	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	402.745.200	-	139.128.000	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	41.040.000	-	775.016.000	-
Bên khác	***38.114.387.104***	-	***34.127.900.916***	-
Công ty TNHH MTV Động cơ & Máy nông nghiệp Miền Nam	2.031.647.183	-	5.476.046.210	-
Alp Rail Industries Inc.	6.320.959.545	-	7.297.232.465	-
Công ty TNHH SPCN Toshiba Asia	4.406.529.952	-	7.209.318.139	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	13.997.824.356	-	-	-
Đối tượng khác	11.357.426.068	-	14.145.304.102	-
	38.558.172.304	-	**35.042.044.916**	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	419.839.740	-	595.340.604	-
Đối tượng khác	527.164.976	-	313.737.556	-
	947.004.716	**-**	**909.078.160**	**-**

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	35.000.000	-	35.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu khác	19.303.799	-	19.052.624	-
	60.303.799	**-**	**60.052.624**	**-**

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.746.149.001	-	10.648.012.698	-
Công cụ, dụng cụ	165.682.532	-	97.603.703	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.118.002.858	-	1.953.133.680	-
Thành phẩm	13.625.396.310	-	30.622.952.422	-
	29.655.230.701	**-**	**43.321.702.503**	**-**

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 15.000.000.000 VND.

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.324.294.160	78.419.874.908	15.734.822.595	3.706.559.609	114.185.551.272
- Mua trong năm	-	85.000.000	1.366.451.852	44.500.000	1.495.951.852
- Thanh lý, nhượng bán	-	(545.273.513)	(761.390.000)	-	(1.306.663.513)
Số dư cuối năm	**16.324.294.160**	**77.959.601.395**	**16.339.884.447**	**3.751.059.609**	**114.374.839.611**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.051.188.594	58.350.681.071	12.910.382.208	3.531.103.790	88.843.355.663
- Khấu hao trong năm	434.055.252	3.300.007.252	647.431.037	170.702.254	4.552.195.795
- Thanh lý, nhượng bán	-	(545.273.513)	(761.390.000)	-	(1.306.663.513)
Số dư cuối năm	**14.485.243.846**	**61.105.414.810**	**12.796.423.245**	**3.701.806.044**	**92.088.887.945**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.273.105.566	20.069.193.837	2.824.440.387	175.455.819	25.342.195.609
Tại ngày cuối năm	**1.839.050.314**	**16.854.186.585**	**3.543.461.202**	**49.253.565**	**22.285.951.666**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 64.667.137.858 VND.

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2023 tương ứng là 2.350.199.700 VND và 2.350.199.700 VND, tài sản đã hết khấu hao.

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***121.499.098***	***121.499.098***	***667.886.276***	***667.886.276***
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	9.368.700	9.368.700	77.000.000	77.000.000
Công ty TNHH Nippovina	48.105.750	48.105.750	316.614.166	316.614.166
Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	53.224.648	53.224.648	274.272.110	274.272.110
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	10.800.000	10.800.000	-	-
Bên khác	***14.063.478.829***	***14.063.478.829***	***22.763.813.242***	***22.763.813.242***
Công ty TNHH Đúc Tháng Năm	2.308.014.650	2.308.014.650	5.471.685.650	5.471.685.650
Công ty TNHH Tấn Sanh	-	-	1.858.216.580	1.858.216.580
Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Lê Vỹ	992.701.868	992.701.868	2.106.170.200	2.106.170.200
Công ty TNHH Tháng Năm	985.600.000	985.600.000	4.876.663.000	4.876.663.000
Phải trả các đối tượng khác	9.777.162.311	9.777.162.311	8.451.077.812	8.451.077.812
	14.184.977.927	**14.184.977.927**	**23.431.699.518**	**23.431.699.518**

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên khác		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Vas Nghi Sơn	-	4.393.348.639
Công ty TNHH MTV Thép VAS Việt Mỹ	-	542.880.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Núi Thành	1.236.600.000	-
Yiu Hwa Engineering Co., Ltd	309.937.775	-
Phải thu khách hàng khác	2.404.249.846	1.282.224.513
	3.950.787.621	**6.218.453.152**

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.409.985	3.409.985	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	495.046.127	1.542.027.629	1.858.078.621	-	178.995.135
Thuế thu nhập cá nhân	149.004.176	-	617.243.030	762.261.333	294.022.479	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	10.653.021	10.653.021	-	-
	149.004.176	**495.046.127**	**2.176.333.665**	**2.637.402.960**	**294.022.479**	**178.995.135**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	27.152.326	30.124.530
- Trích trước chi phí tiền điện	539.715.200	875.330.500
- Chi phí phải trả khác	572.629.183	397.862.336
	1.139.496.709	**1.303.317.366**

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Lương đóng góp cho các hoạt động xã hội	70.299.271	136.287.308
- Thuế TNCN phải trả	317.945.917	282.203.064
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.076.524	24.349.060
	410.321.712	**442.839.432**

15 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (*)	33.485.543.970	33.485.543.970	96.620.824.305	99.601.877.022	30.504.491.253	30.504.491.253
	33.485.543.970	**33.485.543.970**	**96.620.824.305**	**99.601.877.022**	**30.504.491.253**	**30.504.491.253**

(*) Hợp đồng tín dụng số 110.23/48.05-HĐCVHM ngày 03/08/2023 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa có các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VND;
+ Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm việc đầu tư tài sản cố định;
+ Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
+ Lãi suất cho vay: Quy định theo từng giấy nhận nợ;
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 30.504.491.253 VND;
+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: Theo hợp đồng thế chấp động sản số 061/22/VCB.BH ngày 26/07/2022 với giá trị hàng tồn kho duy trì là 15.000.000.000 VND.

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**26.000.000.000**	**8.796.663.000**	**10.423.575.400**	**45.220.238.400**
Lãi trong năm trước	-	-	9.494.041.423	9.494.041.423
Phân phối lợi nhuận	-	-	(9.109.497.000)	(9.109.497.000)
Số dư cuối năm trước	**26.000.000.000**	**8.796.663.000**	**10.808.119.823**	**45.604.782.823**
Số dư đầu năm nay	**26.000.000.000**	**8.796.663.000**	**10.808.119.823**	**45.604.782.823**
Lãi trong năm nay	-	-	5.108.630.285	5.108.630.285
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(9.194.000.000)	(9.194.000.000)
Số dư cuối năm nay	**26.000.000.000**	**8.796.663.000**	**6.722.750.108**	**41.519.413.108**

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/023/SDK/ĐHCĐ ngày 28/03/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00	10.808.119.823
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12,90	1.394.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 30% vốn điều lệ)	72,17	7.800.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	14,93	1.614.119.823

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	45,00	11.700.000.000	45,00	11.700.000.000
Ông Nguyễn Thái Thiện	22,00	5.720.000.000	22,00	5.720.000.000
Ông Trần Phước Dũng	8,92	2.320.000.000	8,92	2.320.000.000
Các cổ đông khác	24,08	6.260.000.000	24,08	6.260.000.000
	100,00	**26.000.000.000**	**100,00**	**26.000.000.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.000.000.000	26.000.000.000
- *Vốn góp đầu năm*	*26.000.000.000*	*26.000.000.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*26.000.000.000*	*26.000.000.000*
Cổ tức, lợi nhuận:		
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm*	-	-
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm*	*7.800.000.000*	*7.800.000.000*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	7.800.000.000	7.800.000.000
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	*(7.800.000.000)*	*(7.800.000.000)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	*(7.800.000.000)*	*(7.800.000.000)*
- *Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm*	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.600.000	2.600.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*2.600.000*	*2.600.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.600.000	2.600.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*2.600.000*	*2.600.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.796.663.000	8.796.663.000
	8.796.663.000	**8.796.663.000**

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê 20.000 m2 mặt bằng nhà xưởng theo hợp đồng 01/2022/HĐ-SDK ngày 15/03/2022 với Công ty TNHH MTV Thương Mại Nguyễn Nhật Huy với đơn giá thuê 5.060 VND/m2/tháng trong thời hạn 03 năm và cho thuê 5.500 m2 mặt bằng nhà xưởng theo Hợp đồng số 011/HĐ-SDK ngày 15/10/2015 với Công ty TNHH TM DV XNK Duy Khương kèm theo phụ lục hợp đồng ngày 04/10/2022 trong thời hạn 01 năm với đơn giá tiền thuê là 60.500.000 VND/tháng. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.940.400.000	1.758.900.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	910.800.000	2.125.200.000
	2.851.200.000	**3.884.100.000**

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty hợp đồng thuê đất tại KCN Biên Hòa 1 để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2001 đến năm 2051. Diện tích khu đất thuê là 69.385,2 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	841,40	5.545,95
- Đồng Euro (EUR)	241,49	241,44

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, vật tư, phế liệu	194.997.883.069	254.427.761.220
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.076.548.149	2.025.514.482
	197.074.431.218	**256.453.275.702**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	14.622.120.361	18.662.749.180
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)		

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.254.409.866	1.517.069.163
Giảm giá hàng bán	56.530.972	15.854.682
	1.310.940.838	**1.532.923.845**

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, vật tư, phế liệu đã bán	166.561.388.763	212.872.633.646
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	596.822.545	599.698.208
	167.158.211.308	**213.472.331.854**
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	2.110.111.572	4.865.158.677
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)		

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.171.333	5.715.053
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.387.604.575	1.354.824.183
	1.393.775.908	**1.360.539.236**

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.938.039.408	1.735.683.825
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	982.425.531	604.890.934
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	39.480.524	445.728.129
	2.959.945.463	**2.786.302.888**

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	363.955.186	692.743.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.387.240.647	4.758.664.685
Chi phí khác bằng tiền	650.994.804	482.135.582
	3.402.190.637	**5.933.543.355**

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	368.325.971	1.158.856.286
Chi phí nhân công	10.184.095.145	12.953.678.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	483.439.547	620.752.544
Thuế, phí, lệ phí	63.078.876	53.081.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.509.732.525	3.546.568.059
Chi phí khác bằng tiền	3.496.192.594	3.880.971.378
	17.104.864.658	**22.213.907.942**

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	189.731.818	400.000.000
Thu nhập khác	63.817.966	47.890.679
	253.549.784	**447.890.679**

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt hợp đồng kinh tế	3.267.000	38.113.790
Các khoản bị phạt thuế, truy thu thuế	10.653.021	-
Chi phí khác	121.026.071	116.689.704
	134.946.092	**154.803.494**

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.650.657.914	12.167.892.239
Các khoản điều chỉnh tăng	627.816.249	1.201.361.842
- *Chi phí không hợp lệ*	*588.335.725*	*755.633.713*
- *Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm*	*39.480.524*	*445.728.129*
Thu nhập chịu thuế TNDN	7.278.474.163	13.369.254.081
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**1.455.694.833**	**2.673.850.816**
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	86.332.796	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**1.542.027.629**	**2.673.850.816**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	495.046.127	27.854.197
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.858.078.621)	(2.206.658.886)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**178.995.135**	**495.046.127**

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.108.630.285	9.494.041.423
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.108.630.285	9.494.041.423
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.600.000	2.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.965**	**3.652**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.303.090.863	143.673.604.131
Chi phí nhân công	43.125.537.973	50.698.642.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.552.195.795	5.339.395.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.158.362.350	25.250.967.911
Chi phí khác bằng tiền	4.532.604.711	5.341.745.139
	169.671.791.692	**230.304.355.143**

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	2.935.688.937	-	-	2.935.688.937
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.618.476.103	-	-	38.618.476.103
	41.554.165.040	**-**	**-**	**41.554.165.040**
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	9.911.189.656	-	-	9.911.189.656
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.102.097.540	-	-	35.102.097.540
	45.013.287.196	**-**	**-**	**45.013.287.196**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	30.504.491.253	-	-	30.504.491.253
Phải trả người bán, phải trả khác	14.595.299.639	-	-	14.595.299.639
Chi phí phải trả	1.139.496.709	-	-	1.139.496.709
	46.239.287.601	**-**	**-**	**46.239.287.601**
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	33.485.543.970	-	-	33.485.543.970
Phải trả người bán, phải trả khác	23.874.538.950	-	-	23.874.538.950
Chi phí phải trả	1.303.317.366	-	-	1.303.317.366
	58.663.400.286	**-**	**-**	**58.663.400.286**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 22/02/2012, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND về việc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa. Do Công ty có nhà máy thuộc phạm vi quy hoạch của UBND tỉnh Đồng Nai nên Công ty phải di dời nhà máy ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại Văn bản số 10526/UBND-KTN ngày 09/10/2023 và Văn bản số 12699/UBND-KTN ngày 27/11/2023 về việc tham mưu đề xuất liên quan đến chuyển đổi công năng Khu Công nghiệp Biên Hòa I. Ngày 07/12/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đã gửi Văn bản số 5806/SKHĐT - KTĐN thông báo về thời gian di dời các doanh nghiệp trong Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Công ty thuộc nhóm các doanh nghiệp phải di dời trước tháng 12/2025.

Thời điểm hiện tại, Công ty đang chuẩn bị các dự thảo về phương án di dời để trình các cấp thẩm quyền phê duyệt

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	(1)
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	(2)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	(2)
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	(2)
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	(2)
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	(2)
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	(3)
Công ty Tôn Phương Nam	(3)
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống nhất	(3)
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	(3)
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	(3)
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	(3)
Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	(3)
Công ty TNHH Nippovina	(3)
Công ty TNHH Natsteel Vina	(3)
Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	Ông Nguyễn Minh Tính - Chủ tịch HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal -VNSTEEL
Công ty TNHH Trung Anh Dũng	Ông Trần Phước Dũng - Cổ đông lớn của Công ty là Giám đốc của Công ty TNHH Trung Anh Dũng

(1) Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP là chủ sở hữu đầu tư 45% vào Công ty.
(2) Các công ty này là Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
(3) Các công ty này là Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu	**14.622.120.361**	**18.662.749.180**
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	6.188.710.000	5.311.190.000
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	519.140.000	2.042.412.000
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	3.239.554.000	5.518.276.636
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	1.747.770.000	2.665.395.000
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	1.242.400.000	1.289.800.000
Công ty Tôn Phương Nam	432.100.000	955.200.000
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống nhất	-	41.800.000
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	252.410.000	3.600.000
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	421.740.000	215.500.000
Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	309.260.000	320.200.000
Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	41.336.361	296.375.544
Công ty TNHH Natsteel Vina	225.000.000	-
Công ty TNHH Trung Anh Dũng	2.700.000	3.000.000

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Mua hàng	**2.110.111.572**	**4.865.158.677**
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	598.160.000	504.604.000
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	27.204.692	349.200.000
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	294.586.240	381.768.480
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	203.483.000	254.802.800
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	134.499.303	1.599.149.506
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống nhất	326.533.000	-
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	51.462.387	51.622.251
Công ty TNHH Nippovina	43.732.500	307.561.460
Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	430.450.450	1.416.450.180

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Nguyễn Minh Tính	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 28/03/2023)	60.635.000	71.946.000
Ông Nguyễn Văn Chánh	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/03/2023)	381.004.464	-
Ông Võ Thanh Tiến	Thành viên HĐQT Tổng giám đốc	691.755.932	482.125.319
Ông Trần Thanh Toàn	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	550.881.549	532.508.201
Ông Nguyễn Thái Sơn	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	482.342.281	417.001.949
Ông Trần Phước Dũng	Thành viên HĐQT	58.578.000	52.762.000
Ông Vũ Văn Hiến	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 31/03/2022) Phó Tổng Giám đốc	580.423.717	883.354.971
Ông Nguyễn Thái Thiện	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 31/03/2022)	5.641.000	25.762.000
Bà Hà Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	58.629.000	52.544.000
Ông Ngô Thế Hiển	Thành viên Ban kiểm soát	42.460.500	37.496.500
Ông Mai Văn Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	393.799.337	558.363.239

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phạm Thị Thanh Huyền	**Đoàn Thị Thủy**	**Võ Thanh Tiến**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LUYỆN KIM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 002/2024/TT-HĐQT/CKLK

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim**

- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 09 năm 2022;*
- *Căn cứ vào kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim năm 2023;*
- *Căn cứ vào lợi nhuận thực tế tại Công ty năm 2023.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế còn lại năm trước chuyển qua	1.614.119.823
2	**Lợi nhuận sau thuế năm 2023**	5.108.630.285
3	**Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**	**6.722.750.108**
4	**Trích quỹ**	**1.021.000.000**
4.1	Quỹ khen thưởng HĐQT-BKS-BĐH (~5%)	255.000.000
4.2	Quỹ phúc lợi (~7,5%)	383.000.000
4.3	Quỹ khen thưởng người lao động (~7,5%)	383.000.000
5	**Lợi nhuận chưa phân phối còn lại**	**5.701.750.108**

(Việc trả cổ tức không thực hiện nhằm phục vụ công tác di dời công ty)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Cổ đông SDK;
- HĐQT, BKS, BTGĐ;
- Lưu: PTQT; TCKT.
(Tài liệu ĐHCĐ 2024)

Nguyễn Văn Chánh

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Số: 003/2024/TT-HĐQT/CKLK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cơ khí Luyện kim

- *Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 09 năm 2022;*
- *Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại công ty.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Ghi chú
1	Thép và gang đúc	Tấn	3.800	
2	Gia công Cơ khí - rèn	Tấn	1.500	
3	Gia công kết cấu	Tấn	300	
4	Doanh thu	Tr đồng	190.000	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	6.500	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Cổ đông SDK;
- HĐQT, BKS, BTGĐ;
- Lưu: PTQT, P.KH-KD;
(Tài liệu ĐHĐCĐ 2024).

Nguyễn Văn Chánh

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LUYỆN KIM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004/2024/TT-HĐQT/CKLK

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim**

- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 09 năm 2022;*
- *Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;*
- *Căn cứ vào Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	**Lợi nhuận sau thuế còn lại năm trước chuyển qua**	**5.701.750.108**
2	**Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2024**	5.200.000.000
3	**Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**	**10.901.750.108**
4	**Trích quỹ**	**1.040.000.000**
4.1	Quỹ khen thưởng người quản lý công ty	260.000.000
4.2	Quỹ phúc lợi	390.000.000
4.3	Quỹ khen thưởng người lao động	390.000.000
5	**Lợi nhuận chưa phân phối còn lại**	**9.861.750.108**

(Việc trả cổ tức không thực hiện nhằm phục vụ công tác di dời công ty)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chánh

Nơi nhận:
- Cổ đông SDK;
- HĐQT, BKS, BTGĐ;
- Lưu: PTQT, TCKT.
(Tài liệu ĐHCĐ 2024)

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Số: 005/2024/TTr-HĐQT/CKLK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 09 năm 2022.*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua:

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 4.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 2.000.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2023: 132.000.000 đồng

(Chủ tịch HĐQT chuyên trách và 03 thành viên HĐQT tham gia điều hành không nhận thù lao)

Tổng thu nhập của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách năm 2023: 381.004.464 đồng

2. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 đề nghị như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 2.000.000 đồng/người/tháng

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định kế hoạch tiền lương năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, phải đảm bảo đúng các quy định của Nhà nước, Điều lệ của Công ty và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Cổ đông SDK;
- HĐQT, BKS, BTGĐ;
- Lưu: PTQT, P.TC-HC;
(Tài liệu ĐHĐCĐ 2024).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chánh

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LUYỆN KIM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 006/2024/TT-HĐQT/CKLK	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cơ khí Luyện kim.

- *Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 09 năm 2022.*

Để thuận lợi cho việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim lựa chọn một trong ba (03) Công ty kiểm toán uy tín, bao gồm:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
3. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- Cổ đông SDK;
- HĐQT, BKS, BTGĐ;
- Lưu: PTQT, TCKT.
  (Tài liệu ĐHCĐ 2024).

Hà Thị Thu Hiền

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LUYỆN KIM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007/2024/TT-HĐQT/CKLK

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua hạn mức tín dụng năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim

- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 09 năm 2022;*
- *Căn cứ vào nhu cầu tài chính của Công ty trong năm 2024.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua hạn mức tín dụng năm 2024 như sau:

Thông qua thực hiện giao dịch tín dụng (theo một hoặc nhiều hoặc đồng thời các hình thức cấp tín dụng: cho vay, bảo lãnh, phát hành thư tín dụng, chiết khấu, bao thanh toán…) và thông qua các hợp đồng có liên quan giữa Công ty CP Cơ khí Luyện kim và:

- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai với số tiền tối đa là 20 tỷ đồng.
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa với số tiền tối đa là 35 tỷ đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Cổ đông SDK;
- HĐQT, BKS, BTGĐ;
- Lưu: PTQT; TCKT.
(Tài liệu ĐHCĐ 2024)

Nguyễn Văn Chánh

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Số: 01/024/SDK/ĐHCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 04 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện kim được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 09 năm 2022;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11/04/2024.*

QUYẾT NGHỊ

Ngày 11/04/2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí Luyện Kim được tổ chức với sự tham gia của …. cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho …… cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023 *(đính kèm báo cáo)*

Điều 2: Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023 *(đính kèm báo cáo)*

Điều 3. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của công ty đã kiểm toán *(đính kèm tờ trình)*

Điều 4: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 *(đính kèm tờ trình)*

Điều 5: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 *(đính kèm tờ trình)*

Điều 6: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 *(đính kèm tờ trình)*

Điều 7: Thù lao của HĐQT và BKS năm 2023 và kế hoạch thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2024 *(đính kèm tờ trình)*

Điều 8: Việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2024 *(đính kèm tờ trình)*

Điều 9: Hạn mức tín dụng năm 2024 *(đính kèm tờ trình)*

Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Cơ khí Luyện Kim được thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Cổ đông SDK;
- HĐQT, BKS, BĐH, NPTQTCT;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chánh

SADAKIM

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

MẪU

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: SDK.000...

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần
Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: ... cổ phần

SADAKIM

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: SDK.000…

MẪU

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: … cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: … cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: … cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023			
Nội dung 02: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023			
Nội dung 03: Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã kiểm toán			
Nội dung 04: Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023			
Nội dung 05: Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024			
Nội dung 06: Thông qua Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024			
Nội dung 07: Thông qua Tờ trình thù lao HĐQT và Ban kiểm soát			
Nội dung 08: Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2024			
Nội dung 09: Thông qua Tờ trình hạn mức tín dụng năm 2024			

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô: **Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến** đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày … tháng ... năm 2024
ĐẠI BIỂU
(Ký và Ghi rõ họ tên)